

Phụ lục 01

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ MỘT

(Kèm theo Công văn số: 989 /SCT-VP ngày 04 thá

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giá SS 2010	Tỷ đồng
	Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng
	Công nghiệp	Tỷ đồng
2	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giá hiện hành	Tỷ đồng
	(Công nghiệp - Xây dựng)	Tỷ đồng
	Công nghiệp	Tỷ đồng
	Xây dựng	Tỷ đồng
3	Cơ cấu	
	Công nghiệp - Xây dựng	%
	Công nghiệp	%
4	Tổng giá trị sản xuất (GO) giá SS 2010	Tỷ đồng
	Công nghiệp	Tỷ đồng
	<i>Chia ra: - SP Lọc hóa dầu</i>	<i>Tỷ đồng</i>
	<i>- SP công nghiệp khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>
	<i>+ CN thép</i>	<i>Tỷ đồng</i>
	<i>+ CN không tính dầu, thép</i>	<i>Tỷ đồng</i>
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (giá hiện hành)	
6	Xuất nhập khẩu	
	- Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD
	- Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD

1 SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU 2021-2025

ng 9 năm 2025 của Sở Công Thương Quảng Ngãi)

[illegible]

Phụ lục số 02

NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: 989 /SCT-VP ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Sở Công Thương Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Tăng trưởng bình quân 2021-2025 (%)
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%							
	Công nghiệp khai khoáng	%							
	Công nghiệp chế biến, chế tạo								
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí								
	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải								
2	Sản phẩm chủ yếu								
	- Thủy sản chế biến	Tấn							
	- Bánh kẹo các loại	Tấn							
	- Sữa các loại trên địa bàn tỉnh	1000 lít							
	- Đường	Tấn							
	- Bìa các loại	1000 lít							
	- Nước khoáng	1000 lít							
	- Sản phẩm lọc dầu	Tấn							
	- Phân bón	Tấn							
	- Gạch nung các loại	1000 viên							
	- Đá xây dựng các loại	1000m ³							
	- Tinh bột mỳ trên địa bàn tỉnh	Tấn							
	- Sản phẩm may mặc	1000 chiếc							
	- Điện sản xuất	Triệu kw/h							
	Trong đó, điện tự sản xuất, tự tiêu	"							
	- Điện thương phẩm	Triệu kw/h							
	- Nước máy thương phẩm	1000m ³							
	- Dăm gỗ nguyên liệu giấy	Tấn							
	- Cuộn cảm	Nghìn cái							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Tăng trưởng bình quân 2021-2025 (%)
	- Giày da các loại	Nghìn đôi							
	- Sợi	Tấn							
	- Thép	Tấn							
	- Gỗ cửa hoặc xê (trừ gỗ xê tà vẹt)	m ³							
	- Khí công nghiệp	Tấn							
3	Tỉ lệ hộ sử dụng điện	%							

Phụ lục số 05

NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Công văn số: 989 /SCT-VP ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Sở Công Thương Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Kế hoạch 2027	Kế hoạch 2028	Kế hoạch 2029	Kế hoạch 2030	Tăng trưởng bình quân 2026-2030 (%)
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%							
	Công nghiệp khai khoáng	%							
	Công nghiệp chế biến, chế tạo								
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí								
	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải								
2	Sản phẩm chủ yếu								
	- Thủy sản chế biến	Tấn							
	- Bánh kẹo các loại	Tấn							
	- Sữa các loại trên địa bàn tỉnh	1000 lít							
	- Đường	Tấn							
	- Bia các loại	1000 lít							
	- Nước khoáng	1000 lít							
	- Sản phẩm lọc dầu	Tấn							
	- Phân bón	Tấn							
	- Gạch nung các loại	1000 viên							
	- Đá xây dựng các loại	1000m ³							
	- Tinh bột mỳ trên địa bàn tỉnh	Tấn							
	- Sản phẩm may mặc	1000 chiếc							
	- Điện sản xuất	Triệu kw/h							
	Trong đó, điện tự sản xuất, tự tiêu	"							
	- Điện thương phẩm	Triệu kw/h							
	- Nước máy thương phẩm	1000m ³							
	- Dăm gỗ nguyên liệu giấy	Tấn							
	- Cuộn cảm	Nghìn cái							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Kế hoạch 2027	Kế hoạch 2028	Kế hoạch 2029	Kế hoạch 2030	Tăng trưởng bình quân 2026-2030 (%)
	- Giày da các loại	Nghìn đôi							
	- Sợi	Tấn							
	- Thép	Tấn							
	- Gỗ cửa hoặc xẻ (trừ gỗ xẻ tà vẹt)	m ³							
	- Khí công nghiệp	Tấn							
	sản phẩm mới,....								
3	Tỉ lệ hộ sử dụng điện	%							

Phụ lục số 03

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG GIAI ĐOẠN 2021-2025*(Kèm theo Công văn số: 989 /SCT-VP ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Sở Công Thương Quảng Ngãi)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Tăng trưởng bình quân 2021-2025 (%)
	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (giá hiện hành), trong đó:	Tỷ đồng							
	Bán lẻ hàng hóa								
	Lưu trú, ăn uống								
	Du lịch								
	Dịch vụ khác								

Phụ lục số 06

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Công văn số: 989 /SCT-VP ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Sở Công Thương Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Kế hoạch 2027	Kế hoạch 2028	Kế hoạch 2029	Kế hoạch 2030	Tăng trưởng bình quân 2026-2030 (%)
	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (giá hiện hành), trong đó:	Tỷ đồng							
	Bán lẻ hàng hóa								
	Lưu trú, ăn uống								
	Du lịch								
	Dịch vụ khác								

Phụ lục số 04

XUẤT NHẬP KHẨU GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: 989 /SCT-VP ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Sở Công Thương Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Tăng trưởng bình quân 2021-2025 (%)
1	Xuất khẩu hàng hoá								
	Giá trị xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD							
	Kim ngạch XK các mặt hàng chủ yếu	"							
	+ Thủy sản	"							
	+ Tinh bột mỳ	"							
	+ Đồ gỗ	"							
	+ Dăm gỗ nguyên liệu giấy	"							
	+ May mặc	"							
	+ Hàng thực phẩm chế biến	"							
	+ Sản phẩm cơ khí	"							
	+ Dầu FO	"							
	+ Sợi, sợi dệt các loại, vải	"							
	+ Giày da các loại	"							
	+ Thép								
	+ Cao su	"							
	+ Dây thun khoanh	"							
	+ Cà phê nhân	"							
	+ Chuối	"							
	+ Hàng hóa khác (cuộn cảm, thiết bị, hệ thống điều phối khí xả, bọc đệm ghế, đệm lò xo, bộ phận của ghế, bộ dây điện, bộ dây nguồn, nệm mút, khung giường bằng kim loại, bàn nhựa plastic, giường kim loại, ghế sofa, vỏ bọc ghế sofa)	"							
2	Nhập khẩu hàng hoá								
	Giá trị nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD							
	Kim ngạch NK các mặt hàng chủ yếu	"							
	+ Máy móc, phụ tùng thay thế	"							
	+ Sắt thép	"							
	+ Dầu thô	"							
	+ Vải và nguyên phụ liệu may mặc	"							
	+ Bông các loại	"							
	+ Nguyên liệu, hương liệu, vật liệu sản xuất bia, sữa, bánh kẹo	"							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Tăng trưởng bình quân 2021- 2025 (%)
	+ Khác	"							

Phụ lục số 07

XUẤT NHẬP KHẨU GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Công văn số: 989 /SCT-VP ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Sở Công Thương Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Kế hoạch 2027	Kế hoạch 2028	Kế hoạch 2029	Kế hoạch 2030	Tăng trưởng bình quân 2026-2030 (%)
1	Xuất khẩu hàng hoá								
	Giá trị xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD							
	Kim ngạch XK các mặt hàng chủ yếu	"							
	+ Thủy sản	"							
	+ Tinh bột mỳ	"							
	+ Đồ gỗ	"							
	+ Dăm gỗ nguyên liệu giấy	"							
	+ May mặc	"							
	+ Hàng thực phẩm chế biến	"							
	+ Sản phẩm cơ khí	"							
	+ Dầu FO	"							
	+ Sợi, sợi dệt các loại, vải	"							
	+ Giấy da các loại	"							
	+ Thép								
	+ Cao su	"							
	+ Dây thun khoan	"							
	+ Cà phê nhân	"							
	+ Chuối	"							
	+ Hàng hóa khác (cuộn cảm, thiết bị, hệ thống điều phối khí xả, bọc đệm ghế, đệm lò xo, bộ phận của ghế, bộ dây điện, bộ dây nguồn, nệm mút, khung giường bằng kim loại, bàn nhựa plastic, giường kim loại, ghế sofa, vỏ bọc ghế sofa)	"							
2	Nhập khẩu hàng hoá								
	Giá trị nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD							
	Kim ngạch NK các mặt hàng chủ yếu	"							
	+ Máy móc, phụ tùng thay thế	"							
	+ Sắt thép	"							
	+ Dầu thô	"							
	+ Vải và nguyên phụ liệu may mặc	"							
	+ Bông các loại	"							
	+ Nguyên liệu, hương liệu, vật liệu sản xuất bia, sữa, bánh kẹo	"							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Kế hoạch 2027	Kế hoạch 2028	Kế hoạch 2029	Kế hoạch 2030	Tăng trưởng bình quân 2026-2030 (%)
	+ Khác	"							